

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/DS-ST
Ngày 5-7-2022
V/v tranh chấp Hụi, Vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đào Việt Khái**.

Ông **Tô Hoàng Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2022/TLST-DS ngày 24/12/2021 về tranh chấp “Hụi, Vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Hồng Đ**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông **Trần Hữu N** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ trình bày:

Vào ngày 06/8/2018 (âm lịch) bà Phạm Hồng Đ có mở 01 dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 28 phần (chung), ông Trần Hữu N tham gia 02 phần. Ngày 16 tháng 01 năm 2019 ông N hốt một chung hụi với số tiền 90.400.000 đồng, khi giao tiền hụi ông N có làm biên nhận. Ngày 16 tháng 7 năm 2019 ông N hốt chung hụi thứ hai với số tiền 107.000.000 đồng, khi giao tiền hụi ông N có làm biên nhận. Sau khi hốt 02 chung hụi ông N đã tham gia, ông N

đóng hụi chết đến tháng 8 năm 2020 thì ngưng đến nay. Hiện nay hụi đã mất ông N còn nợ 03 lần hụi chết của 02 chung hụi với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 bà Phạm Hồng Đ có cho ông Trần Hữu N mượn số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn cho mượn 30 ngày, ông N có viết biên nhận nợ. Bà Đ đã nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền, nhưng đến nay ông N vẫn chưa trả cho bà Đ số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hữu N trả số tiền nợ hụi 30.000.000 đồng, trả tiền mượn 45.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Hữu N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Hữu N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp “Hụi, tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Trần Hữu N nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ khởi kiện bị đơn ông Trần Hữu N về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi 30.000.000 đồng, tiền mượn 45.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hụi và tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ xác định Vào ngày 06/8/2018 (âm lịch) bà Phạm Hồng Đ có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, ông Trần Hữu N tham gia 02 chung. Ông N đã hốt 02 chung hụi đã tham gia, ông N còn nợ 03 lần hụi chết của 02 chung hụi số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 11 năm 2020 bà Đ có cho ông N mượn số tiền 45.000.000 đồng đến nay ông N vẫn chưa trả cho bà Đ số tiền 45.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu ông N trả số tiền 75.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình xét xử vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi; biên nhận ngày 17/11/2020 có ký tên Trần Hữu N

có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trần Hữu N, nhưng ông N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ là có căn cứ nên cần buộc bị đơn là ông Trần Hữu N trả cho nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ số tiền nợ hui 30.000.000 đồng, tiền mượn 45.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ, buộc bị đơn ông Trần Hữu N trả cho bà Phạm Hồng Đ số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hữu N phải chịu 3.750.000 đồng.

Nguyên đơn bà Phạm Hồng Đ không phải chịu án phí, bà Đ có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.875.000 đồng, theo biên lai thu số 0017422 ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Võ Minh Luân